

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc tuyển sinh liên thông đào tạo đại học chính quy năm 2024**

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long thông báo tuyển sinh liên thông đào tạo đại học hình thức chính quy dành cho người đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc đại học như sau:

#### **1. Đối tượng tuyển sinh:**

- Người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp liên thông lên trình độ đại học hình thức chính quy (người tốt nghiệp trung cấp nghề không thuộc đối tượng này).
- Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng liên thông lên trình độ đại học hình thức chính quy (người tốt nghiệp cao đẳng nghề không thuộc đối tượng này).
- Người đã tốt nghiệp trình độ đại học, học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy.

**2. Chế độ ưu tiên:** Thí sinh được hưởng chế độ ưu tiên về đối tượng và khu vực tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **3. Ngành xét tuyển:**

- Tổng chỉ tiêu dự kiến là **220**, được phân bổ theo từng lĩnh vực.
- Danh mục ngành tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu theo ngành hoặc lĩnh vực (*Xem chi tiết Phụ lục 1*).

**4. Mức học phí:** Mức học phí bằng với mức học phí đại học hình thức chính quy chương trình đào tạo đại trà tương ứng mỗi ngành. Sinh viên đóng học phí theo số tín chỉ đăng ký học trong từng học kỳ.

#### **5. Tổ chức đào tạo:**

- Tổ chức đào tạo theo chương trình đại trà, học chế tín chỉ, hình thức chính quy. Sau khi trúng tuyển, sinh viên liên thông học tập trung liên tục tại Trường cùng với sinh viên đại học chính quy; được xét miễn và công nhận điểm tương đương đối với những khối lượng kiến thức đã học ở trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học.
- Khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học chính quy và tên ngành đào tạo được ghi theo ngành tuyển sinh.

#### **6. Phương thức tuyển sinh:**

- Tuyển thẳng thí sinh đã tốt nghiệp đại học chính quy Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long;
- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (*còn gọi là xét học bạ*).

##### **6.1. Điểm xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT:**

Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký, cộng với điểm ưu tiên. Không nhân hệ số được tính theo công thức:

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm } M_1 + \text{Điểm } M_2 + \text{Điểm } M_3) + \text{Điểm ưu tiên}$$

Trong đó:

- +  $M_1, M_2, M_3$  lần lượt là các môn trong tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký;
- + Điểm mỗi môn (Điểm  $M$ ) là trung bình cộng điểm trung bình môn cả năm của năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12; làm tròn đến hai chữ số thập phân:

$$\text{Điểm } M = \frac{\text{ĐTBôn}_{L10} + \text{ĐTBôn}_{L11} + \text{ĐTBôn}_{L12}}{3}$$

(ĐTBôn là Điểm trung bình môn cả năm của lớp 10, lớp 11 và lớp 12; không sử dụng điểm kiểm tra lại)

## 6.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

### 6.2.1. Đối với ngành sư phạm công nghệ:

- Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học trước ngày 07/5/2020: (Điểm  $M_1 + \text{Điểm } M_2 + \text{Điểm } M_3 \geq 16$  điểm (Không tính điểm ưu tiên)
- Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học từ ngày 07/5/2020 về sau, phải đạt 1 trong những tiêu chí sau:
  - + Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên;
  - + Điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;
  - + Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên;
  - + Học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
  - + Tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học đạt loại giỏi trở lên;
  - + Tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

### 6.2.2. Đối với những ngành đào tạo khác:

$$(\text{Điểm } M_1 + \text{Điểm } M_2 + \text{Điểm } M_3) \geq 15 \text{ điểm (Không tính điểm ưu tiên)}$$

## 6.3. Nguyên tắc xét tuyển:

- Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 2 ngành và xếp thứ tự ưu tiên. Thí sinh được xét trúng tuyển duy nhất ở ngành có thứ tự ưu tiên cao nhất trong số những ngành đủ điểm trúng tuyển.
- **Tuyển thẳng:** thí sinh tốt nghiệp đại học chính quy Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long được xét tuyển thẳng nếu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào. Nếu số lượng thí sinh nhiều hơn chỉ tiêu thì áp dụng tiêu chí phụ là điểm trung bình chung toàn khóa của bảng điểm trình độ đại học; những thí sinh không được tuyển thẳng được xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (điểm trung bình chung được quy đổi tuyển tính sang thang điểm 10);
- **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT:** Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành/lĩnh vực (điểm trúng tuyển từng ngành trong cùng lĩnh vực bằng nhau và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng 1 ngành là bằng nhau). Những thí sinh đăng ký xét tuyển trong cùng ngành hoặc lĩnh vực được xét tuyển theo ĐXT từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu của ngành hoặc lĩnh vực. Nếu có nhiều thí sinh cùng bằng ĐXT, Trường xét thêm tiêu chí phụ là dựa vào điểm trung bình chung toàn khóa của bảng điểm trình độ trung

cấp, cao đẳng hoặc đại học của những thí sinh này (điểm trung bình chung được quy đổi tuyển tính sang thang điểm 10);

**7. Đăng ký xét tuyển:** (Hồ sơ và phí đã nộp không hoàn lại)

**7.1. Xét tuyển Đợt 1:**

- Nhận hồ sơ đăng ký từ ngày **01/6/2024** đến hết ngày **15/7/2024**
- Dự kiến công bố kết quả ngày **20/7/2024**; học chính thức từ ngày **05/9/2024** (dự kiến);
- Đợt 1 chưa xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên.

**7.2. Xét tuyển Đợt 2:**

- Nhận hồ sơ đăng ký từ ngày **15/7/2024** đến hết ngày **17/8/2024**;
- Dự kiến công bố kết quả ngày **21/8/2024**; học chính thức từ ngày **15/9/2024** (dự kiến);
- Đợt 2 xét tuyển tất cả các ngành theo danh mục ngành tuyển sinh. Chỉ tiêu xét tuyển còn lại sau khi xét tuyển Đợt 1.

**7.3. Phí đăng ký hồ sơ và xét tuyển:**

- Phí hồ sơ 50.000 đồng/hồ sơ;
- Phí xét tuyển 300.000 đồng/hồ sơ;

**7.4. Hồ sơ đăng ký:**

- Phiếu đăng ký xét tuyển liên thông (*theo mẫu*);
- 03 ảnh 4x6cm (*chụp trong thời gian 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ*);
- 01 bản photo Thẻ Căn cước công dân;
- 01 bản photo Học bạ THPT hoặc bảng kết quả học tập THPT;
- 01 bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp THPT;
- 01 bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học;
- 03 bản sao có chứng thực Bảng điểm trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học;
- 03 bản sao có chứng thực Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc Giấy xác nhận hoàn thành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- 03 bản sao có chứng thực Chứng chỉ Giáo dục thể chất hoặc Giấy xác nhận hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất;
- 01 bản photo hồ sơ minh chứng thuộc đối tượng ưu tiên, khu vực tuyển sinh (*nếu có*).

**7.5. Cách nộp hồ sơ và phí đăng ký:**

- Cách 1: Nộp hồ sơ và phí đăng ký trực tiếp tại Trung tâm tư vấn tuyển sinh.
- Cách 2: Gửi hồ sơ đăng ký (*kèm theo bản photo chứng từ chuyển khoản phí đăng ký*) bằng dịch vụ bưu điện (*chuyển phát nhanh*) đến Trường Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (*xem địa chỉ liên hệ*).

Tài khoản nhận phí đăng ký của Trường như sau:

Tên tài khoản (người thụ hưởng): **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG**

Số tài khoản: **126000057091**

Ngân hàng **TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank)** chi nhánh Vĩnh Long

## **Nội dung chuyên tiền: XTLLT – Tên – số CMND/CCCD**

**Lưu ý:** Thí sinh ghi đúng nội dung chuyên tiền như trên nếu ghi không đúng sẽ gặp khó khăn trong việc kiểm tra đối chiếu.

### **8. Địa chỉ liên hệ và gửi hồ sơ:**

**Trung tâm tư vấn tuyển sinh** - Trường Đại học SPKT Vĩnh Long

Số 73, đường Nguyễn Huệ, phường 2, Tp Vĩnh Long tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270-3862456

E-mail: [tuyensinh@vlute.edu.vn](mailto:tuyensinh@vlute.edu.vn)

Di động: 0886032649 (gặp cô Huệ)

Website: <https://vlute.edu.vn>

### **9. Nguyên tắc xét miễn và công nhận điểm học phần:**

Trường Đại học SPKT Vĩnh Long công khai tiêu chí, quy trình và kết quả công nhận giá trị chuyên đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học. Thí sinh trúng tuyển được xem xét miễn và công nhận điểm học phần dựa trên các nguyên tắc sau:

- Chỉ xem xét và công nhận giá trị chuyên đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho các học phần trong CTĐT sẽ học mà trong CTĐT đã học trước người học đã tích lũy được có nội dung và khối lượng tương đương hoặc lớn hơn. Khối lượng tín chỉ tối đa được công nhận, chuyên đổi không được quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT; riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với các học phần điều kiện, điểm xét miễn là điểm “M”.
- Kết quả điểm xét miễn được ghi nhận trong bảng kết quả học tập toàn khóa của sinh viên. Trừ các học phần điều kiện và học phần có điểm M, kết quả điểm xét miễn học phần được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

#### **Nơi nhận:**

- BGH (để báo cáo);
- Phòng ĐT (để thực hiện);
- Phòng KT&ĐBCLGD (để thực hiện);
- Cơ sở liên kết (để phối hợp);
- Lưu (VT).



*Nguyễn Minh Pang*



## PHỤ LỤC 1

### **DANH MỤC CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN LIÊN THÔNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY NĂM 2024** **Đối tượng đã tốt nghiệp THPT và có bằng trung cấp/cao đẳng/đại học**

TT	Ngành đào tạo	Mã Ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu			TỔNG
				TC liên thông ĐH	CĐ liên thông ĐH	Đại học trở lên (ngành khác)	
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	A00, A01, D01, C04	2	3	5	<b>10</b>
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303	A00, A01, D01, C04	2	3	5	<b>10</b>
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00, A01, D01, C04	2	3	5	<b>10</b>
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00, A01, D01, C04	2	3	20	<b>25</b>
5	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, C04	2	3	20	<b>25</b>
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, C04	2	3	25	<b>30</b>
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh)	7510206	A00, A01, D01, C04	2	3	5	<b>10</b>
8	Công nghệ thực phẩm	7540101	B00, A01, D01, C04	2	3	5	<b>10</b>
9	Thú y	7640101	A01, D01, C00, C19	2	3	5	<b>10</b>
10	Công tác xã hội	7760101	A01, D01, C00, C19	2	3	5	<b>10</b>
11	Du lịch	7810101	A01, D01, C00, C19	2	3	5	<b>10</b>
12	Luật	7380101	A01, D01, C00, C19	2	3	25	<b>30</b>
13	Kinh tế	7310101	A00, A01, D01, C04	2	3	5	<b>10</b>
14	SPCN	7140246	Theo quy định của Bộ Giáo dục	0	10	10	<b>20</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>26</b>	<b>49</b>	<b>145</b>	<b>220</b>

**Mã tổ hợp:** **A00:** Toán, Lý, Hoá; **A01:** Toán, Lý, Tiếng Anh; **D01:** Toán, Văn, Tiếng Anh; **C04:** Toán, Văn, Địa; **B00:** Toán, Hóa, Sinh; **C00:** Văn, Sử, Địa; **C19:** Văn, Sử, GDCD.